TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-PT
Ngày: 10-01-2018
V/v:" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Anh

Ông Ngô Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2017/DSST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2017 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N - sinh năm: 1966. Địa chỉ: phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng. Bà N có mặt tại phiên tòa.

- *Đồng bị đơn:*

1. Ông Lê Hữu N1 - sinh năm 1971; cư trú tại Tổ 23B, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp cho ông Lê Hữu N1: Bà Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1971; cư trú tại quận C, Tp Đà Nẵng là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hữu N (Giấy ủy quyền ngày 05 tháng 6 năm 2017). Bà A có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Phan Thị N2 – sinh năm 1975; cư trú tại Tổ 23B, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng. Bà N2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Thái Thị Mỹ D – sinh năm 1994; cư trú tai phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng. Chị D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Hữu N1 – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn - bà Trần Thị N trình bày:

Bà và vợ chồng ông Lê Hữu N1 và bà Phan Thị N2 có quan hệ quen biết từ lâu và cùng sinh hoạt trong Đoàn từ thiện Sen Hồng. Vợ chồng ông N1, bà N2 nhờ bà vay giúp 400.000.000đ để giải quyết việc gia đình, cụ thể như sau:

Ngày 16/7/2013: Giao cho cháu của ông N1 là Thái Thị Mỹ D (T) 100.000.000 đồng;

Ngày 26/7/2013: Giao cho cháu của ông N1 là Thái Thị Mỹ D (T) 50.000.000 đồng;

Ngày 01/9/2013: Giao cho bà N2 50.000.000 đồng;

Ngày 25/4/2014: Giao cho ông N1 100.000.000 đồng;

Ngày 05/5/2014: Giao cho ông N1 100.000.000 đồng.

Vì chỗ quen biết nên khi giao tiền, hai bên không viết giấy. Cuối tháng 06/2014, gia đình bà N2 mời bà xuống nhà và tuyên bố vỡ nợ, không trả được số tiền đã mượn của bà. Từ cuối tháng 06/2014 đến đầu tháng 01/2015, vợ chồng ông N1 và bà N2 nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả tiền nợ cho bà. Nay bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông N1 và bà N2 phải trả lại cho bà số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 3%/tháng từ ngày nhận nợ tại Công an Phường Q, ngày 03/02/2015 cho đến nay.

Bị đơn ông Lê Hữu N1 - bà Nguyễn Hoàng A là người đại diện theo ủy quyền của ông N1 trình bày:

Ông Lê Hữu N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N buộc ông N1 và vợ là Phan Thị N2 phải cùng nhau trả cho bà N số tiền 400.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền bạc giữa bà N2 và bà N không liên quan đến ông N1. Bản thân ông N1 cũng không viết giấy vay nợ bà N và cũng không hề hỏi vay mượn tiền của bà N. Chỉ có hai lần, bà N2 nhờ ông N1 lên nhà bà N lấy hộ tiền, ông N1 có lên gặp bà N lấy tiền rồi về đưa lại cho bà N2, số tiền bao nhiêu ông N1 cũng không nhớ vì lâu rồi. Vì vậy, ông N1 không đồng ý việc bà N yêu cầu ông cùng với bà N2 cùng trả số tiền nợ là 400.000.000 đồng.

Bị đơn - Bà Phan Thị N2 trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà N 400.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận tiền lãi là 10%/ tháng. Trong số tiền vay này, bà có nhờ chồng bà là ông N1 xuống nhà bà N lấy tiền mỗi lần 50.000.000 đồng tổng cộng 02 lần là 100.000.000 đồng và bà có nói với chồng đó là tiền biêu chứ chồng bà không biết việc vay mượn của bà và bà N, nhưng có biết bà làm nghề cho vay tiền lẻ tẻ. Còn cháu D (T) thì bà chỉ nhờ lên nhà bà N để trả tiền lãi hàng tháng là 20.000.000 đồng, còn một lần bà nhờ cháu D lên lấy 5.000.000 đồng tiền thu biêu khác chứ không phải là tiền biêu với bà N, không có liên quan đến số tiền 400.000.000 đồng đã vay. Mọi khoản chi tiêu trong gia đình từ trước đến năm 2013 ăn uống do gia đình chồng lo, con cái do mẹ chồng phụ giúp thêm còn vợ chồng tự lo cho con cái học hành, từ ngày bể nợ 2013 đến nay thì vợ chồng tôi tự lo, lâu lâu có anh chồng hỗ trợ thêm tiền. Bà N2 thừa nhận 400.000.000 đồng là số tiền nợ của riêng bà, không liên quan đến ông N1. Bà N2 xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên và do quá khó khăn nên bà xin không trả tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị Mỹ D trình bày:

Ông N1 là chú ruột của chị D. Vào thời gian không nhớ rõ, chị được mợ N2 nhờ đến nhà bà N 01 lần lấy tiền biêu là 5.000.000 đồng nhưng không rõ bên trong bao nhiêu tiền bỏ trong túi ni lông gói lại và 01 lần đưa tiền lời cho bà N là 20.000.000 đồng. Khi đưa tiền cho bà N chỉ giao mà không ký nhận giấy tờ gì. Ngoài ra, chị D không biết gì cả về việc vay mượn tiền của bà N và bà N2.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2017/DSST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Lê Hữu N1 và bà Phan Thị N2.

- Buộc vợ chồng ông Lê Hữu N1 và bà Phan Thị N2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và nợ lãi 92.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 492.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, ông Lê Hữu N1 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dụng: Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và giải quyết vụ án chưa khách quan và toàn diện, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Hoàng A đại diện hợp pháp cho bị đơn ông Lê Hữu N1 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Số tiền 400.000.000 đồng chỉ là nợ riêng của bà N2 với bà N không liên quan đến ông N1 nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án tuyên ông Lê Hữu N1 không có nghĩa vụ cùng với vợ là Phan Thị N2 trả 492.000.000 đồng cho bà N.

Nguyên đơn bà Trần Thị N xác định số tiền 400.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng ông N1, bà N2 nợ bà, nên không đồng ý với kháng cáo của ông N1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc ông N1 cùng có trách nhiệm với vợ là Phan Thị N2 trả cho bà số tiền 492.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn được thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Qua tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự có sở xác định bà N2 dùng khoản tiền vay của bà N để đáp ứng một phần nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình và ông N1 biết khoản vay này. Do đó, khoản nợ vay 400.000.000 đồng là khoản nợ chung của vợ chồng và ông N1 phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà N2 có nghĩa vụ trả nợ cho bà N, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hữu N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi N1ên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Bị đơn bà Phan Thị N2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái thị Mỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Hữu N1 và người đại diện hợp pháp của ông N1, đồng bị đơn bà Phan Thị N2 đều xác nhận trong tổng số tiền vay 400.000.000 đồng của bà Trần Thị N, ông N1 có 02 lần đến nhà bà N lấy tiền đem về cho bà N2.

[2.2] Tại văn bản số: 232/CSĐT V/v chuyển hồ sơ vụ án dân sự, ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng thể hiện: … Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà nhận thấy, ông Lê Hữu N1 và bà Phan Thị N2 đã có thừa nhận việc nợ bà Trần Thị N số tiền 400.000.000 đồng, xin được trả dần hằng tháng. Hiện nay ông N1, bà N2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 24 Phường Q, quận Sơn Trà, tạm trú tại 54 Vũ Tông Phan, Phường Q, quận Sơn Trà. Do vậy, hành vi của ông Lê Hữu N1 và bà Phan Thị N2 không có yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đây là vụ án dân sự, nên việc Tòa án nhân dân quận Sơn Trà chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà để điều tra về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của ông N1, bà N2 theo yêu cầu của bà N là không có cơ sở.

[2.3] Biên bản ghi lời khai của ông Lê Hữu N1 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà lập ngày 06 tháng 3 năm 2017, ông N1 cũng xác nhận biết vợ (bà N2) vay số tiền 400.000.000 đồng của bà N từ năm 2013 đến đầu năm 2014 để cho người khác vay lại kiếm lời.

[2.4] Biên bản làm việc về việc nghe bang đĩa ghi âm do Tòa án nhân dân quận Sơn Trà tiến hành ngày 24 tháng 7 năm 2017, các bên đương sự đều xác nhận nội dung ông Đinh Phú Thành là Trưởng đoàn từ thiện Sen Hồng – người đứng ra hòa giải việc vay nợ giữa hai bên tại nơi ông N1, bà N2 kinh doanh (54 Vũ Tông Phan, Phường Q, quận Sơn Trà) nói: Ông có làm việc với thằng Tám (ông N1) rồi, thằng Tám có thừa nhận nợ chị N 400.000.000 đồng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng nhưng nó không chịu viết giấy gì cả; Bản thân bà N2 cũng có lời nói xác định vợ chồng bà có nợ bà N.

[2.5] Tại Cơ quan điều tra Công an quận Sơn Trà và tại phiên tòa sơ thẩm bà Phan thị N2 thừa nhận sử dụng số tiền vay 400.000.000 đồng của bà N vào nhiều mục đích khác nhau, trong đó có cho cháu T là cháu ruột ông N1 đi Mỹ, có chi dùng lo cho con ăn học nhưng không xác định được số tiền cụ thể là bao nhiêu. Bà N2 cũng không

kháng cáo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc buộc cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà N.

[2.6] Từ những chứng cứ trên, việc tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 400.000.000 đồng là khoản nợ chung của vợ chồng ông N1, bà N2 là có cơ sở.

[2.7] Về yêu cầu tính lãi: Bà N yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm từ ngày nhận nợ tại Công an Phường Q ngày 03/02/2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 30 tháng 20 ngày, cụ thể: 400.000.000 đồng x 9%/năm x 920 ngày = 92.000.000 đồng. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, Tòa án cấp sở thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 471,474 và 476 BLDS 2005.

[3] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của ông Lê Hữu N1 là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hữu N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Vợ chồng bà N2 và ông N1 phải chịu: 23.680.000đ. Hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 10.000.000đ theo biên lai thu số 009042 ngày 19/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà TP Đà Nẵng.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Lê Hữu N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001893 ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà TP Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015;

Căn cứ Điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hữu N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Lê Hữu N1 và bà Phan Thị N2.

1.1. Buộc vợ chồng ông Lê Hữu N1 và bà Phan Thị N2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và nợ lãi 92.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 492.000.000 đồng.

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2. Về án phí

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị N2 và ông Lê Hữu N1 phải chịu số tiền là: 23.680.000đ.

Hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 10.000.000đ theo biên lai thu số 009042 ngày 19/5/2017 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà TP Đà Nẵng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Hữu N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001893 ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà TP Đà Nẵng. Như vậy, ông Lê Hữu N1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu HS, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Hiếu